

Bản án số: 03/2018/HC-PT

Ngày: 20 - 3 - 2018

V/v khởi kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán:

Bà Hoàng Thị Hải Hà

Ông Huỳnh Văn Yên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ân Tình là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biển - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 08/2017/TLPT-HC ngày 08 tháng 12 năm 2017 về việc “*Khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2017/HC-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Ph bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 07/2017/QĐ-PT ngày 21 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Tô Thanh N (Tô Văn N) – sinh năm 1957 (có mặt).
Địa chỉ: Ấp Đ, thị trấn C, huyện C , tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Tô Thanh N có ông Ngô Đức B , trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện Ph , tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Trường Gi – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ph , tỉnh Cà Mau.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ph , tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Trần Minh H – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ph , tỉnh Cà Mau. (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện Ph , tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Hạt kiểm lâm rừng phòng hộ B (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực X, thị trấn S, huyện Tr , tỉnh Cà Mau.

2. Ông Nguyễn Văn Đ . (vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị L . (vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị Th . (vắng mặt)
Cùng địa chỉ cư trú cuối cùng: Ấp C, xã T, huyện Ph , tỉnh Cà Mau.
 5. Ông Huỳnh Văn X – sinh năm 1960. (vắng mặt)
 6. Bà Bông Thị Ch – sinh năm 1964. (vắng mặt)
 7. Ông Nguyễn Văn L – sinh năm 1961. (vắng mặt)
 8. Bà Trần Thị L - sinh năm 1960. (vắng mặt)
 9. Ông Võ Văn T – sinh năm 1970. (vắng mặt)
 10. Bà Phan Thị L – sinh năm 1975. (vắng mặt)
 11. Ông Nguyễn Văn K - sinh năm 1972. (vắng mặt)
 12. Bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1973. (vắng mặt)
 13. Ông Nguyễn Sông L – sinh năm 1949. (vắng mặt)
 14. Bà Huỳnh Thị N - sinh năm 1949. (vắng mặt)
 15. Ông Nguyễn Văn Qu – sinh năm 1945. (vắng mặt)
 16. Ông Võ Minh Đ – sinh năm 1964. (vắng mặt)
 17. Bà Nguyễn Thị Ph – sinh năm 1968. (vắng mặt)
 18. Ông Nguyễn Văn L – sinh năm 1959. (vắng mặt)
 19. Bà Võ Thị Kh – sinh năm 1967. (vắng mặt)
 20. Ông Châu Minh Đ – sinh năm 1986. (vắng mặt)
 21. Ông Ngô Văn L – sinh năm 1983. (vắng mặt)
 22. Bà Dương Thị Nh – sinh năm 1991. (vắng mặt)
 23. Bà Dương Mỹ Th – sinh năm 1993. (vắng mặt)
 24. Ông Nguyễn Vũ L – sinh năm 1990. (vắng mặt)
 25. Ông Dương Văn L – sinh năm 1971. (vắng mặt)
 26. Bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1972. (vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện Ph , tỉnh Cà Mau.
- *Người kháng cáo:* Ông Tô Thanh N là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Tô Thanh N trình bày: Ông N khiếu kiện yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 191/QĐ-UBND ngày 20/3/2012 của Chủ tịch UBND huyện Ph (gọi tắt là Quyết định 191) và Quyết định hành chính số 44/QĐ-UBND ngày 26/3/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Ph (gọi tắt là Quyết định 44), do 02 Quyết định nêu trên đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Đồng thời, yêu cầu giữ nguyên Quyết định số 534/QĐ-CTUB ngày 08/9/2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (gọi tắt là Quyết định 534) và Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 01/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện Ph (gọi tắt là Quyết định 59).

Ông N cho rằng nguồn gốc đất ông có được là do vào ngày 30/01/1997, ông nhận chuyển nhượng diện tích đất 3,2 ha của bà Nguyễn Thị Th với giá 20 chỉ vàng 24K, khi nhận chuyển nhượng đất có nhiều người dân địa phương biết và chứng kiến, được chính quyền địa phương xác nhận. Trong năm 1997, Ông N được Ban quản lý rừng phòng hộ B cấp sổ giao khoán theo quy định của pháp luật. Ông N trực tiếp quản lý sử dụng được 16 tháng. Đến tháng 5 năm 1998 thì ông Dương Văn L vào chiếm toàn bộ phần đất nêu trên của Ông N để sử dụng cho đến nay. Ông N đã yêu cầu giải quyết nhiều lần, đến ngày 08/9/2000 Chủ tịch

UBND huyện C ban hành Quyết định 534 với nội dung “Trục xuất ông Dương Văn L ra khỏi phần đất 30.200m² tự chiếm ở tại ấp C, xã Ph, và giữ nguyên hiện trạng phần đất trên thuộc quyền quản lý và sử dụng của ông Tô Văn N”. Ông L không chấp hành quyết định mà vẫn chiếm đất của ông để ở và canh tác. Đến ngày 01/7/2008 UBND huyện Ph đã ban hành Quyết định số 59/QĐ-UBND “*Thu hồi 12.941,5m² đất của ông Tô Văn N (Tô Thanh N) thuộc thửa số 28, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện Ph để xây dựng điểm dân cư và kênh C, xã Ti, huyện Ph*”. Sau khi thu hồi một phần đất của Ông N đã được Chủ tịch UBND huyện C giải quyết theo Quyết định 534, Ông N được hỗ trợ, bồi thường số tiền 156.824.500 đồng, Ông N đã nhận tiền xong, tuy nhiên phần đất còn lại của ông N, ngoài phần đất bị thu hồi thì Ông L vẫn chiếm và sử dụng cho đến nay, Ông N yêu cầu nhiều lần nhưng Ông L không thi hành Quyết định 534. Đến ngày 20/3/2012, Chủ tịch UBND huyện Ph ban hành Quyết định 191 với nội dung “*Thu hồi hủy bỏ quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 08/9/2000 của Chủ tịch UBND huyện C (nay là huyện Ph) về việc trục xuất ông Dương Văn L ra khỏi phần đất tự chiếm. Lý do Chủ tịch UBND huyện C ban hành quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 08/9/2000 về việc trục xuất ông Dương Văn L ra khỏi phần đất tự chiếm là không có cơ sở*”. Đến ngày 26/3/2012 UBND huyện Ph ban hành Quyết định số 44/QĐ-UBND “*Điều chỉnh Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 01/7/2008 của UBND huyện Ph về việc thu hồi 12.941,5m² đất của ông Tô Văn N để quy hoạch, xây dựng điểm dân cư và kênh C, xã Ti, huyện Ph. Thu hồi 12.941,5m² đất của ông Dương Văn L để quy hoạch, xây dựng điểm dân cư và kênh C, xã Ti, huyện Ph. Lý do phần đất này của ông Dương Văn L, Ông L là người ở trên đất và trực tiếp sản xuất, không phải là ông Tô Thanh N ...*”.

Do đó, Ông N đã khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Tòa án hủy Quyết định hành chính số 191/QĐ-UBND ngày 20/3/2012 của Chủ tịch UBND huyện Ph và quyết định hành chính số 44/QĐ-UBND ngày 26/3/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Ph.

Người bị kiện trình bày: Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 20/3/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ph và Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 26/3/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Ph là đúng. Do phần đất tranh chấp giữa Ông N và ông L, trước đây ông Đ nhận chuyển nhượng của ông H vào năm 1990, đến năm 1995 thì ông Đ bỏ đi, khi đó chính quyền địa phương cho một số hộ dân đến đất này ở tạm, trong đó có hộ bà Th. Sau cơn bão số 05, năm 1997, thì con ông Đ là bà L, cùng chồng là Ông L về đất này cất nhà sinh sống cho đến nay. Hộ bà Th quê từ B đến phần đất này cất nhà tạm để sinh sống, Nhà nước không có giao đất cho bà Th, việc phát sinh hợp đồng chuyển nhượng đất giữa bà Th với Ông N là không hợp pháp; Lãnh đạo Hạt kiểm lâm rừng phòng hộ B khẳng định không có giao đất cho bà Th vì năm 1994, Ban quản lý rừng phòng hộ B có biên bản tạm giao rừng và đất lâm nghiệp cho hộ ông Đ diện tích 2,4 ha. Ông N cho rằng năm 1997 nhận sang nhượng đất của bà Th và được Ban quản lý rừng phòng hộ B lập sổ giao khoán phần đất cho Ông N là không đúng, vì đất này đã tạm giao cho ông Đ. Mặt khác, Ông N không trực tiếp quản lý sử dụng đất, không bảo vệ rừng theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Dương Văn L trình bày: Phần đất tranh chấp giữa ông và bà L với ông N , có nguồn gốc là do ông Đ và bà L nhận chuyển nhượng của ông H vào năm 1990, sử dụng đến năm 1994 thì được Ban quản lý rừng phòng hộ B tạm giao rừng và đất lâm nghiệp cho hộ ông Đ diện tích 2,4 ha. Cũng trong năm 1994, ông Đ và bà L nói miệng là cho lại ông và bà L phần đất này nhưng chưa giao đất, mà vẫn sử dụng chung với ông Đ và bà L. Khi đó sử dụng đất không hiệu quả, nên ông và bà L bỏ đi ra cửa biển C cất chòi tạm để đánh bắt thủy sản. Phía ông Đ và bà L cũng bỏ đi nơi khác làm ăn, thỉnh thoảng mới về thăm đất. Sau đó có một số hộ dân từ phương xa đến đất này ở tạm, nhưng hộ bà Th có ở hay không thì ông không biết và ông cũng không hay biết việc bà Th sang nhượng đất này cho ông N . Sau cơn bão số 05, năm 1997, thì ông và bà L về đất này cất nhà sinh sống thì phát sinh tranh chấp với ông N . Năm 1998, ông Đ và bà L có lập giấy ủy quyền cho ông và bà L quản lý đất này, sau đó ông Đ và bà L ra đi cho đến nay không biết đang sinh sống ở đâu. Đồng thời, từ năm 1998 cho đến nay ông không gặp bà Th và cũng không có tranh chấp đất này với bà Th .

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà L thống nhất toàn bộ ý kiến trình bày của Ông L (chồng bà L) trong biên bản đối thoại và không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Hạt kiểm lâm rừng phòng hộ B trình bày: Tại công văn số 19/BC-HKL ngày 12/8/2013 và các tài liệu kèm theo, xác định năm 1994 do nhu cầu quản lý và bảo vệ rừng. Đồng thời, giải quyết cho một số hộ dân có điều kiện sản xuất, nên Ban quản lý rừng phòng hộ B có lập biên bản tạm giao hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp cho hộ ông Đ với diện tích 2,4 ha với mục đích quản lý, bảo vệ và sản xuất kinh doanh. Đến năm 1995, Ủy ban nhân dân huyện C có chủ trương thu hồi toàn bộ diện tích đất thuộc lô II để trang trải cho nhân dân. Do ông Đ tuổi cao sức yếu không đủ điều kiện để quản lý đất nên tạm giao lại cho bà L và Ông L quản lý sản xuất cho đến nay. Trong quá trình quản lý sử dụng đất thì phía Ông L thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc quản lý bảo vệ rừng và kế hoạch trồng rừng.

Trên thực tế thì hộ bà Th không có đất, mà chỉ cất chòi ở tạm trên đất của ông Đ . Đồng thời, bà Th không phải là người dân địa phương nên không được xét cấp đất. Theo danh sách những người được xét cấp, giao đất khu vực C do Hội đồng cấp đất xét duyệt thì không có tên Tô Thanh N và ông Dương Văn L , mặc dù Ông L đang trực tiếp sử dụng đất, nhưng Ông L không có đơn xin được nhận đất rừng nên cũng không có tên trong danh sách xét cấp đất. Thời điểm xét cấp sổ giao khoán cho ông N , thì Ban quản lý rừng phòng hộ B không tham gia xét danh sách cấp đất, cũng không nắm được số lượng và danh sách hộ được cấp đất. Khi đó đoàn cấp đất yêu cầu cấp sổ cho hộ nào thì mới ghi thông tin vào sổ giao khoán. Từ đó, dẫn đến việc cấp sổ cho Ông N chồng lên diện tích đất tạm giao cho ông Đ .

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn X , bà Bông Thị C , ông Nguyễn Văn L , bà Trần Thị L , ông Võ Văn T , ông Nguyễn Văn K , bà Nguyễn Thị L ,

ông Nguyễn Sông L , bà Huỳnh Thị N , ông Nguyễn Văn L thống nhất trình bày: Các ông, bà nhận chuyển nhượng thành quả trên đất của Ông L và bà L để làm nền nhà ở từ những năm 1997 - 1998 đến nay. Quá trình sử dụng đất không xảy ra tranh chấp với ai. Nay yêu cầu được tiếp tục ở trên đất này. Việc tranh chấp đất giữa Ông N với Ông L và bà L thì các ông, bà không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Văn L , bà Dương Thị Nh thống nhất trình bày:

Ông, bà được ở trên đất này là do Ông L và bà L cho mượn nền đất vào năm 2010. Quá trình sử dụng đất không xảy ra tranh chấp với ai. Nay yêu cầu được tiếp tục ở trên đất này. Việc tranh chấp đất giữa Ông N với Ông L và bà L thì ông, bà không có ý kiến.

Bà Dương Mỹ Th , ông Nguyễn Vũ L , bà Phan Thị L , ông Nguyễn Văn Qu , ông Võ Minh Đ , bà Nguyễn Thị Ph , bà Võ Thị Kh , ông Châu Minh Đ đã được Tòa án triệu hợp lệ, nhưng các đương sự không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án cũng không tham gia phiên tòa.

Ông Nguyễn Văn Đ , bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Th đã bỏ địa phương đi từ những năm 1997 - 1998 cho đến nay. Ngày 08/5/2014 ông Tô Thanh N đã yêu cầu Tòa án thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với ông Đ , đến ngày 05/12/2016 Ông N yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với bà Th nhưng không có kết quả.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 26/9/2017 của Toà án nhân dân huyện Ph quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu của ông Tô Thanh N về việc yêu cầu hủy Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 20/3/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ph về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 08/9/2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 26/3/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Ph về việc điều chỉnh Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 01/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện Ph .

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2017 ông Tô Thanh N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, hủy Quyết định 191 và Quyết định 44.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Ông N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Ông N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ông N tranh luận cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp với diện tích 3,2 ha do Ông N nhận chuyển nhượng thành quả lao động của bà Nguyễn Thị Th vào ngày 30/01/1997 với giá 20 chỉ vàng 24K được nhiều người dân địa phương và chính quyền địa phương chứng kiến và ký xác nhận. Sau khi nhận đất canh tác, Ông N cũng đã được Ban quản lý rừng phòng hộ B lập sổ giao khoán, Ông N canh tác, nuôi cá kèo đến tháng 5/1998 thì Ông L ngang nhiên vào phá đập không cho Ông N canh tác và chiếm toàn bộ phần đất của ông N . Chính quyền địa phương đã nhiều lần lập biên bản về việc Ông L ngang nhiên chiếm đất, xử phạt hành chính, nhưng Ông L không chấp hành. Đến ngày 08/9/2000 thì Chủ tịch UBND huyện C ban hành quyết định 534 buộc Ông L phải ra khỏi phần đất Ông L chiếm của Ông N và xác định toàn bộ phần đất nêu trên

là của Ông N nhưng Ông L cũng không chấp hành quyết định. Đến ngày 01/7/2008 UBND huyện Ph ban hành Quyết định 59 đã thu hồi một phần đất của Ông N với diện tích 12.941,5m² và đã hỗ trợ bồi thường cho Ông N số tiền 156.824.500 đồng, Ông N đã nhận tiền bồi thường xong nhưng phần đất còn lại ngoài diện tích đất bị thu hồi vẫn bị Ông L chiếm để canh tác. Đến ngày 20/3/2012 thì Chủ tịch UBND huyện Ph đã ban hành Quyết định 191 để thu hồi Quyết định 534, ngày 26/3/2012 UBND huyện Ph ban hành Quyết định 44 để điều chỉnh Quyết định 59. Việc ban hành Quyết định 191 và Quyết định 44 đã làm Ông N mất toàn bộ phần đất 3,2 ha mà ông đã chuyển nhượng, đồng thời mất cả phần tiền mà Ông N được hỗ trợ bồi thường từ việc UBND huyện Ph thu hồi 12.941,5m² trong diện tích 3,2 ha của Ông N nhận chuyển nhượng thành quả lao động của bà Th . Việc ban hành Quyết định 191 căn cứ vào kết luận của Chủ tịch hội đồng tư vấn tỉnh Cà Mau tại Biên bản số 09/BB-TD ngày 21/7/2011 là không có căn cứ. Do nguồn gốc đất trong quá trình giải quyết tranh chấp của UBND huyện C đã xác định rõ nguồn gốc đất là của bà Th chuyển nhượng thành quả lao động cho ông N .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của luật Tổ tụng hành chính và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Tô Thanh N , giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ph .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định người bị kiện trong vụ án. Do Ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 191/QĐUBND ngày 20/3/2012 của Chủ tịch UBND huyện Ph và Quyết định 44/QĐ-UBND ngày 26/3/2012 của UBND huyện Ph . Do đó lẽ ra cấp sơ thẩm phải xác định người bị kiện là UBND huyện Ph và Chủ tịch UBND huyện Ph . Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật của UBND huyện Ph là ông Võ Trường G , Chủ tịch UBND huyện Ph ủy quyền cho ông Trần Minh H , Phó Chủ tịch UBND huyện Ph tham gia tố tụng để giải quyết toàn bộ cả hai quyết định do người khởi kiện yêu cầu và đã được Tòa án nhân dân huyện Ph xem xét giải quyết đối với hai quyết định nêu trên, do đó, việc cấp sơ thẩm xác định thiếu người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện Ph không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án, nên cần sửa bản án sơ thẩm về xác định người bị kiện là UBND huyện Ph và Chủ tịch UBND huyện Ph .

[2] Xét nội dung yêu cầu kháng cáo của ông Tô Thanh N , Hội đồng xét thấy:

Quyết định 191 đã thu hồi Quyết định 534/QĐ-CTUB ngày 08/9/2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C (nay là huyện Ph) và Quyết định 44 về việc điều chỉnh Quyết định 59 đã căn cứ vào kết luận của Chủ tịch Hội đồng tư vấn tỉnh Cà Mau về việc giải quyết các vụ khiếu nại của huyện Ph tại biên bản số

09/BBTD ngày 21/7/2011 để xác định nguồn gốc đất tranh chấp giữa Ông N và Ông L xảy ra từ tháng 5/1998 là của Ông L là chưa đủ căn cứ. Lý do nguồn gốc đất tranh chấp giữa Ông N với Ông L được xác định là của bà Th quản lý sử dụng từ trước năm 1997. Cụ thể có nhiều người dân ở địa phương xác nhận là ông Nguyễn Việt L , ông Bông Minh H , ông Võ Văn H , ông Bông Văn N (Năm N), ông Lê Văn Th , ông Huỳnh Minh H xác nhận (BL 41, 42, 43, 44, 45). Tại hồ sơ thể hiện phiếu thu tiền xăng mức ngày 28/11/1993 và ngày 19/12/1993 do ông Đinh Văn Tr , là con bà Th cùng ở chung với bà Th đóng tiền xăng mức tại phần đất bà Th quản lý (BL 27 và 386) Việc thu tiền xăng mức được ông Nguyễn Anh Kh là Bí thư chi bộ ấp xác nhận (BL 24) và ông Khép cũng là người ký tên chứng kiến việc bà Th chuyển nhượng thành quả lao động cho Ông N vào ngày 30/01/1997 cùng nhiều người chứng kiến là ông Huỳnh H , ông Đinh Văn Tr , ông Nguyễn Việt L và ông Huỳnh Phi L là Tổ trưởng Tổ tự quản. Giấy chuyển nhượng thành quả lao động giữa bà Th và Ông N cũng được UBND xã Phú Tân xác nhận (BL 55). Ngày 10/3/1997 Ông N cũng đã được Ban quản lý Hạt kiểm lâm rừng phòng hộ B ký hợp đồng giao khoán đất lâm nghiệp cho Ông N với diện tích 3,2ha do ông Nguyễn Minh B là Phó hạt trưởng ký và được UBND xã Phú Tân do ông Trần Văn Tr xác nhận. Trong thời gian Ông N quản lý sử dụng đất thì không có biên bản nào của Ban quản lý Hạt kiểm lâm rừng phòng hộ B lập biên bản về việc Ông N không quản lý trồng rừng đúng quy định và có vi phạm, trong thời gian Ông N đang quản lý đất để canh tác đến tháng 5/1998 thì Ông L ngang nhiên vào chiếm đất Ông N nên Ông N không tiếp tục canh tác trên đất được Ông N đã yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, nên chính quyền địa phương đã lập biên bản về việc Ông L ngang nhiên canh tác trên phần đất Ông N vào ngày 22/6/1998 (BL 37) đến ngày 12/8/1999 UBND xã Phú Tân ban hành quyết định xử phạt hành chính đối với Ông L về hành vi tự chiếm đất người khác (BL 83) nhưng Ông L không chấp hành quyết định. Đến ngày 08/9/2000, Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định 534/QĐ-CTUB, trục xuất Ông L ra khỏi phần đất tự chiếm để giữ nguyên hiện trạng đất cho Ông N nhưng Ông L không chấp hành nên UBND xã Phú Tân đã lập biên bản vi phạm đối với Ông L (BL 28) đồng thời ban hành quyết định xử phạt hành chính (BL 30) nhưng Ông L không thực hiện việc giao trả đất cho ông N . Như vậy có cơ sở cho rằng, Ông L đã tự chiếm đất của Ông N trong khi Ông N đang trực tiếp đang quản lý, sử dụng đất. Trong quá trình làm việc với ông L , Ông L cho rằng nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Đ và bà L nhận chuyển nhượng của ông H năm 1990 nhưng Ông L không có giấy tờ gì để chứng minh, Ông L cho rằng ông Đ canh tác đến năm 1994 thì được Ban quản lý rừng phòng hộ B tạm giao đất lâm nghiệp cho hộ ông Đ 2,4 ha sau đó ông Đ và bà L đã cho Ông L và bà L phần đất này nhưng Ông L chưa nhận đất canh tác vì đất sử dụng không hiệu quả nên Ông L và bà L ra cửa biển đánh bắt thủy sản, ông Đ và bà L cũng bỏ đất đi. Từ đó đất bỏ hoang nên nhiều người dân đến tự lấn chiếm đất. Đến năm 1998 thì Ông L và bà L mới trở về chiếm lại đất để canh tác. Như vậy Ông L vẫn thừa nhận từ năm 1994 đến năm 1998 ông L , bà L , ông Đ và L đều không trực tiếp quản lý và canh tác trên đất trong khi đó tại hồ sơ thể hiện biên bản về việc tạm bàn giao hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp cho ông Đ để quản lý bảo vệ và sản xuất kinh doanh với diện

tích 1,44 ha đất lâm nghiệp và 0.96 ha đất kinh bờ ranh vào ngày 30/6/1994 (BL 09,179). Như vậy mặc dù ông Đ có được tạm giao đất vào năm 1994 nhưng thực tế thì ông Đ không trực tiếp canh tác trên diện tích 2.4 ha được tạm giao. Theo báo cáo giải trình số 19/BCHKL ngày 12/8/2013 cũng xác định năm 1995 UBND huyện C đã có chủ trương thu hồi toàn bộ diện tích đất lô II để trang trải lại cho hộ dân, do ông Đ cao tuổi không thể tiếp tục quản lý đất được nên đã giao lại cho bà L và Ông L quản lý canh tác đến nay, việc trình bày này của Hạt kiểm lâm rừng phòng hộ B lại mâu thuẫn với lời trình bày của Ông L cho rằng từ năm 1994 đến năm 1998 Ông L và bà L ra cửa biển đánh bắt hải sản do đất sản xuất không hiệu quả, ông Đ và bà L bỏ địa phương đi không biết ở đâu. Mặt khác, việc Hạt kiểm lâm rừng phòng hộ B cho rằng đã giao đất cho Ông L và bà L vào năm 1995 nhưng không có giấy tờ gì thể hiện việc giao đất cho Ông L và bà L sau khi xác định ông Đ tuổi cao không còn khả năng canh tác trên đất nên đã giao phần đất 2,4 ha của ông Đ để giao cho Ông L và Loan. Trong khi đó phần đất Ông N được Hạt kiểm lâm rừng phòng hộ B cấp sổ giao khoán vào năm 1997, trong thời gian này thì ông L, bà L, ông Đ và bà L không có canh tác trên phần đất tranh chấp, phù hợp với các biên bản do chính quyền địa phương lập. Do Ông L ngang nhiên chiếm đất của Ông N và quyết định xử phạt hành chính đối với Ông L về việc chiếm đất xảy ra vào năm 1998 (BL 83) Ông L không chấp hành quyết định giải quyết của Chủ tịch UBND huyện nên bị lập biên bản và bị xử lý hành chính nhưng Ông L vẫn chiếm đất và quản lý cho đến nay. Hiện không có cơ sở cho rằng Ông L là người trực tiếp quản lý đất từ năm 1994 đến nay như văn bản báo cáo số 19/BCHKL của Hạt kiểm lâm rừng phòng hộ B và cũng không có cơ sở cho rằng Ông N là người không trực tiếp canh tác trên đất và không thực hiện việc bảo vệ rừng. Như vậy việc chuyển nhượng thành quả lao động trên đất giữa bà Th và Ông N đã được Hạt kiểm lâm rừng phòng hộ B cấp sổ giao khoán cho Ông N vào năm 1997, Ông N canh tác đến tháng 5/1998 thì bị Ông L lấn chiếm và quản lý, đến năm 2000 Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định 534 để giao phần đất tranh chấp 3,2 ha cho Ông N là có cơ sở. Do đó, Quyết định 534 xác định phần đất tranh chấp Ông L tự chiếm là của Ông N là phù hợp.

[3] Xét Quyết định 44 về việc điều chỉnh Quyết định 59 của UBND huyện Ph, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi chia tách huyện C thành hai huyện, huyện C và huyện Ph thì phần đất Ông N được Chủ tịch UBND huyện C giải quyết giao cho Ông N thuộc địa giới hành chính huyện Ph. Do đó, vào ngày 01/7/2008, UBND huyện Ph ban hành Quyết định 59 thu hồi của Ông N 12.941m² để xây dựng điểm dân cư Vàm kênh C. Theo quyết định này Ông N đã nhận được số tiền hỗ trợ bồi thường là 156.824.500 đồng, Ông N đã nhận tiền bồi thường xong, căn cứ vào các quy định tại Điều 40, Điều 41 Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 1991 và Điều 59, Điều 71 Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004 thì có đủ cơ sở xác định phần đất Ông N được giao khoán và được bồi thường khi Nhà nước thu hồi là phù hợp.

Đến ngày 26/3/2012 Ủy ban nhân dân huyện Ph ban hành Quyết định 44 để điều chỉnh Quyết định 59, việc UBND huyện Ph ban hành Quyết định 44 cũng căn cứ vào kết luận của Chủ tịch hội đồng tư vấn tỉnh Cà Mau tại Biên bản số

09/BB-TD ngày 21/7/2011 cũng như căn cứ để Chủ tịch UBND huyện Ph ban hành Quyết định 191 xác định phần đất tranh chấp là của Ông L như đã nhận định trên là không có căn cứ.

[4] Từ những cơ sở trên, xét thấy cấp sơ thẩm quyết định không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn N yêu cầu hủy Quyết định số 191 và Quyết định 44 là không phù hợp. Do đó, cần sửa toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ph .

[5] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là không phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[6] Về án phí: Án phí hành chính sơ thẩm: UBND huyện Ph và Chủ tịch UBND huyện Ph phải chịu theo quy định của pháp luật. Do kháng cáo của Ông N được chấp nhận nên Ông N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính 2015; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Sửa toàn bộ bản án sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Ph .

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Tô Văn N .

Hủy toàn bộ Quyết định số 191/QĐ-UBND ngày 20/3/2012 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ph về việc thu hồi, hủy bỏ Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 08/9/2000 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C và Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 26/3/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Ph về việc điều chỉnh Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 01/7/2008 của Ủy ban nhân dân huyện Ph .

Buộc Ủy ban nhân dân huyện Ph , Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ph thực hiện nhiệm vụ, công vụ việc theo quy định pháp luật.

2. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Buộc Ủy ban nhân dân huyện Ph phải chịu 200.000 đồng (chưa nộp). Buộc Chủ tịch UBND huyện Ph phải chịu 200.000 đồng (chưa nộp). Ông Tô Văn N không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, đã qua Ông N có dự nộp 200.000 đồng theo biên lai số 001898 ngày 07/5/2013 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ph , được nhận lại.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Tô Thanh N không phải chịu, đã qua Ông N có dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006742 ngày 10/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ph , được nhận lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Ph ;
- Chi cục THADS huyện Ph ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Bùi Thị Phương Loan